

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HN
TỈNH BÐ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/HS-ST

Ngày 21 - 01 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HN, TỈNH BÐ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Á.

2. Bà Phạm Hoàng Diễm My

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Xuân Chiến - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã HN.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HN tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã HN, tỉnh BÐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 13/2021/TLST-HS ngày 14 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2021/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 12 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thành T, sinh năm 1976 tại BÐ; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: khu phố DK, phường HÐ, thị xã HN, tỉnh BÐ; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M (sinh năm 1945) và bà Phan Thị D (sinh năm 1948); có vợ là Nguyễn Thị D (sinh năm 1979) và có 01 con sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/9/2019 đến ngày 13/12/2019, bị cáo đang tại ngoại, có mặt.

2. Nguyễn Thị T, sinh ngày 27 tháng 6 năm 1968 tại HN; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: khu phố DK, phường HÐ, thị xã HN, tỉnh BÐ; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M (chết) và bà Đỗ Thị T (sinh năm 1936); có chồng là Lê Văn L (sinh năm 1968) và có 03 con, lớn sinh năm 1989 và nhỏ sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm

giam từ ngày 24/9/2019 đến ngày 13/12/2019, bị cáo đang tại ngoại, có mặt tại phiên Tòa.

** Người bị hại:*

- Bà Nguyễn Thị Ái V, sinh năm 1975; địa chỉ: Khu phố LB, phường BS, thị xã HN, tỉnh BD.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Ngọc A, sinh năm 1955; địa chỉ: Khu phố DK, phường HD, thị xã HN, tỉnh BD (tại văn bản ủy quyền ngày 27/11/2019), có mặt.

- Anh Đặng Hồng V, sinh năm 1985; địa chỉ: Đội 3, thôn QN, xã MC, huyện PM, tỉnh BD, vắng mặt.

(Anh V có đơn xin xét xử vắng mặt).

** Người làm chứng:*

- Ông Lê Văn L, sinh năm 1968; địa chỉ: Khu phố DK, phường HD, thị xã HN, tỉnh BD, có mặt.

- Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1986; địa chỉ: Khu phố DK, phường HD, thị xã HN, tỉnh BD, vắng mặt.

- Ông Ngô Anh T, sinh năm 1977; địa chỉ: Khu phố VC, phường HD, thị xã HN, tỉnh BD, vắng mặt.

- Ông Nguyễn Anh Q, sinh năm 1965; địa chỉ: Khu phố DK, phường HD, thị xã HN, tỉnh BD, vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1948; địa chỉ: Khu phố DK, phường HD, thị xã HN, tỉnh BD, vắng mặt.

- Ông Đinh Văn O, sinh năm 1976; địa chỉ: Khu phố TĐN, phường BS, thị xã HN, tỉnh BD, vắng mặt.

- Bà Lê Thị Hồng V, sinh năm 1971; địa chỉ: KP4, phường BS, thị xã HN, tỉnh BD, vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm 1990; địa chỉ: KP 2, phường BS, thị xã HN, tỉnh BD, vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1969; địa chỉ: Khu phố DK, phường HD, thị xã HN, tỉnh BD, vắng mặt.

- Anh Võ Đình Th, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn XV, xã HM, thị xã HN, tỉnh BD, vắng mặt.

- Bà Lê Thị Ph, sinh năm 1955; địa chỉ: Khu phố DK, phường HD, thị xã HN, tỉnh BD, có mặt.

- Bà Phan Thị D, sinh năm 1948; địa chỉ: Khu phố DK, phường HĐ HĐ, thị xã HN, tỉnh BĐ, có mặt.

- Bà Võ Thị L, sinh năm 1964; địa chỉ: Khu phố DK, phường HĐ, thị xã HN, tỉnh BĐ, vắng mặt.

(tất cả người làm chứng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2011, giữa bà Nguyễn Thị Ái V với Nguyễn Thành Tr, Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Anh Q, ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị T xảy ra tranh chấp đất tại lô C9, C10 khoảnh 6, tiểu khu 106 (gọi tắt là lô C9, C10) thuộc thôn DK, xã HĐ, huyện HN (là khu phố DK, phường HĐ, thị xã HN) được tại Tòa án nhân dân thị xã HN giải quyết. Đến ngày 25/7/2013, Tòa án nhân dân tỉnh BĐ xét xử phúc thẩm, Bản án dân sự phúc thẩm số 99/2013/DS-PT, giao cho bà V được sử dụng các cây keo, bạch đàn do Nguyễn Thành T, Nguyễn Thị T, Nguyễn Anh Q, Nguyễn H và Nguyễn Thị T trồng tại lô C9, C10 và bà V có nghĩa vụ thối lại giá trị. Căn cứ Bản án số 99/2013/DS-PT ngày 25/7/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh BĐ, ngày 15/4/2015, Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN tổ chức thi hành án, giao số cây keo, bạch đàn tại lô C9, C10 cho bà V quản lý, sử dụng.

Tháng 8/2016, Nguyễn Thị T và Nguyễn Thành T thống nhất cùng nhau khai thác keo trên các lô đất C9, C10 của bà Nguyễn Thị Ái V để bán lấy tiền mà không báo cho bà V biết. Vào ngày 09/8/2016, T, T, D và Lê Văn L (chồng của T) cưa hạ 125 cây keo ở lô C10, đường kính cây từ 05cm đến 24cm. Ngày 10/8/2016, T và T thuê Ngô Văn T chở số keo đã khai thác bán tại Công ty NA và Công ty ĐH thu được 4.570.000 đồng; sau khi trả tiền công khai thác, vận chuyển, T và T chia nhau sử dụng.

Ngoài ra, giữa tháng 8/2019, Đặng Hồng V gặp và đặt vấn đề mua cây keo với Nguyễn Thị T và Nguyễn Thành T. Mặc dù biết số cây keo tại lô C9, C10 thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị Ái V, nhưng T và T nói với V đây là keo của mình và đưa ông V đến lô C9, C10 để xem, thỏa thuận giá bán. Do tin tưởng số cây keo tại lô C9, C10 là của T và T, nên V thống nhất mua số cây keo T nói là của T với giá 30.000.000 đồng và thống nhất mua số cây keo T nói là của T với giá 76.000.000 đồng. Đến đầu tháng 9/2019, V giao tiền cọc cho T, T mỗi người 10.000.000 đồng và thỏa thuận sau khi khai thác xong sẽ trả đủ khoản tiền còn lại. Ngày 09/9/2019, khi V tiến hành mở đường để khai thác tại lô C9, C10 thì bị lực lượng chức năng phát hiện, ngăn chặn.

Ngày 14/12/2016, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thị xã HN kết luận: 125 cây keo do bị cáo Nguyễn Thành T và Nguyễn Thị T chiếm đoạt trị giá 3.444.000 đồng.

Bản Cáo trạng số: 08/CT-VKSHN ngày 03 tháng 01 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thị xã HN, tỉnh BD đã truy tố bị cáo Nguyễn Thành T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009 (gọi tắt là Bộ luật Hình sự năm 1999) và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 (gọi tắt là Bộ luật Hình sự năm 2015); truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định như Cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 138, các điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T từ 06 đến 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Áp dụng khoản 1 Điều 174, các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015 xử phạt bị cáo T từ 09 đến 12 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 55 tổng hợp hình phạt từ 15 đến 21 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 138, các điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T từ 06 đến 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Áp dụng khoản 1 Điều 174, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T từ 06 đến 09 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 55 tổng hợp hình phạt từ 12 đến 18 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong, Hội đồng xét xử không xét.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình, do không hiểu biết pháp luật và hứa sửa chữa không tái phạm nữa, xin Hội đồng xét xử xem xét hình phạt nhẹ cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã HN, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã HN, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về tội danh và điều luật áp dụng*:

[2.1] Các bị cáo Nguyễn Thành T và Nguyễn Thị T đều biết bản án số 99/DSPT ngày 25/7/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh BĐ đã có hiệu lực pháp luật, bản án đã giao quyền sử dụng tài sản trên diện tích đất tại lô đất hiệu C9, C10 khoảnh 6, tiểu khu 106 thuộc khu phố DK, phường HĐ, thị xã HN, tỉnh BĐ cho bà Nguyễn Thị Ái V, các bị cáo cũng đã đề nghị xem xét cấp Giám đốc thẩm và đã được Tòa án nhân dân tối cao trả lời tại Công văn số 2243A/TANDTC-DS ngày 21/10/2013 không có sơ sở chấp nhận yêu cầu của các bị cáo. Do vậy, xác định rằng số tài sản là cây keo có trên lô đất hiệu C9, C10 khoảnh 6, tiểu khu 106 thuộc khu phố DK, phường HĐ, thị xã HN, tỉnh BĐ là thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà Nguyễn Thị Ái V. Theo quy định của Hiến pháp năm 2013, tại Điều 106 thì “Bản án, quyết định của Tòa án nhân dân có hiệu lực pháp luật phải được cơ quan, tổ chức, cá nhân tôn trọng; cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan phải nghiêm chỉnh chấp hành”. Đồng thời, cơ quan Thi hành án thị xã HN cũng đã thi tổ chức thi hành án theo quy định. Như vậy, các bị cáo đáng lẽ ra phải tuân thủ pháp luật, chấp hành nghiêm bản án đã có hiệu lực pháp luật, nhưng các bị cáo đã cố tình không tuân thủ, cụ thể: Vào ngày 09/8/2016, tại lô đất hiệu C9, C10 khoảnh 6, tiểu khu 106 thuộc thôn DK, xã HĐ, huyện HN, tỉnh BĐ (nay là khu phố DK, phường HĐ, thị xã HN), các bị cáo Nguyễn Thành T và Nguyễn Thị T lợi dụng sự thiếu quản lý của chủ sở hữu đã tự ý khai thác 125 cây keo của bà Nguyễn Thị Ái V, trị giá của số cây keo bị khai thác là 3.444.000 đồng.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận hành vi của mình. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2.2] Ngoài ra, đến giữa tháng 8/2019, các bị cáo Nguyễn Thành T và Nguyễn Thị T tiếp tục bán bạc và bán cho anh Đặng Hồng V số keo tại lô đất số hiệu C9 và C10 khoảnh 6, tiểu khu 106 khu phố DK, phường HĐ, thị xã HN, tỉnh BĐ, thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị Ái V. Anh V giao tiền đặt cọc cho bị cáo Nguyễn Thành T và Nguyễn Thị T mỗi bị cáo 10.000.000 đồng và hẹn sau khi khai thác keo xong sẽ trả đủ số tiền còn lại. Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bị cáo thực hiện hành vi gian dối làm cho anh V tin rằng số keo tại lô đất số hiệu C9 và C10 khoảnh 6, tiểu khu 106 khu phố DK, phường HĐ, thị xã HN, tỉnh BĐ thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị Ái V là của các bị cáo, giao dịch giữa anh V và các bị cáo đã hoàn thành, anh V đã đưa tiền cọc và tiến hành mở đường khai thác keo. Do đó, đủ cơ sở để kết luận hành vi của các bị cáo Nguyễn Thành T, Nguyễn Thị T đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận hành vi của mình và hứa không tái phạm. Việc vi phạm của các bị cáo là do thiếu hiểu biết pháp luật, các bị cáo đã trả lại tiền cho bị hại.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, chiếm đoạt tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân.

[4] Đây là vụ án có đồng phạm nhưng không có sự bàn bạc, phân công vai trò giữa các bị cáo, vì vậy, đây là đồng phạm giản đơn, các bị cáo tham gia với vai trò là người thực hành.

[5] Trong quá trình xem xét quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khắc phục hậu quả gây ra, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng gây ra thiệt hại chưa lớn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và tình tiết được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Các bị hại cũng có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, riêng bị cáo Nguyễn Thị T gia đình có công với cách mạng, do vậy các bị cáo còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa. Hơn nữa, thời gian các bị cáo bị tạm giam từ ngày 24/9/2019 đến ngày 13/12/2019 cũng đủ để các bị cáo ăn năn về hành vi của bản thân. Căn cứ khoản 1 Điều 36 thì thời gian tạm giam của các bị cáo là 02 tháng 21 ngày quy đổi thành 08 tháng + 03 ngày cải tạo không giam giữ.

Đối với hành vi của Lê Văn L, ông L có hành vi cùng bị cáo T và bị cáo T khai thác keo của bà Nguyễn Thị Ái V nhưng ông L không biết đây là keo thuộc quyền sở hữu của bà V, ông L cho rằng là keo của bị cáo T và bị cáo T nên hành vi của ông L không đồng phạm cùng các bị cáo T và T, không xử lý ông L là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong, không yêu cầu gì thêm nên không xét.

[7] Về xử lý vật chứng: 03 USB chứa thông tin do các bị cáo cung cấp là tài liệu trong hồ sơ vụ án. Tuyên tịch thu 03 USB nói trên lưu hồ sơ vụ án.

[8] Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Nguyễn Thành T và Nguyễn Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[9] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thị xã HN đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp quy định của pháp luật. Tuy nhiên, như đã nhận định ở các mục trên thì các bị cáo đã bị tạm giam một thời gian dài, đã đủ tác dụng giáo dục răn đe, đồng thời trong quá trình tại ngoại các bị cáo luôn chấp hành sự triệu tập của các cơ quan tiến hành tố tụng, có nơi cư trú rõ ràng, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử cần xem xét cho các bị cáo mức hình phạt cải tạo không giam giữ là đúng quy định và thể hiện được tính nhân văn của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: các bị cáo Nguyễn Thành T, Nguyễn Thị T phạm tội trộm cắp tài sản và lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 138, điểm b, h, p khoản 1 Điều 46, Điều 31 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với các bị cáo Nguyễn Thành T, Nguyễn Thị T

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 174, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Nguyễn Thành T, Nguyễn Thị T

- Căn cứ vào Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T 09(chín) tháng cải tạo không giam giữ, về tội trộm cắp tài sản, 09(chín) tháng cải tạo không giam giữ, về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 18(mười tám) tháng cải tạo không giam giữ; Quyết định thi hành án được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 24/9/2019 đến ngày 13/12/2019, bằng 08 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt còn lại là 09 (chín) tháng 27(hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường HĐ nhận được bản sao Bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Thành T cho Ủy ban nhân dân phường HĐ, thị xã HN, tỉnh BD giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 09(chín) tháng cải tạo không giam giữ về tội trộm cắp tài sản, 09(chín) tháng cải tạo không giam giữ, về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 18(mười tám) tháng cải tạo không giam giữ; Quyết định thi hành án được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 24/9/2019 đến ngày 13/12/2019, bằng 08 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt còn lại là 09 (chín) tháng 27(hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường HĐ nhận được bản sao Bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị T cho Ủy ban nhân dân phường HĐ, thị xã HN tỉnh BD giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự.

- Về trách nhiệm dân sự: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về xử lý vật chứng: 03 USB chứa thông tin do các bị cáo cung cấp là tài liệu trong hồ sơ vụ án. Tuyên tịch thu 03 USB nói trên lưu hồ sơ vụ án.

- Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Nguyễn Thành T và Nguyễn Thị T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự để sung ngân sách Nhà nước.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BĐ;
- VKSND Tx. HN;
- Chi cục THADS Tx. HN;
- CQ CSĐT CA Tx. HN;
- Đội ĐTTH CA Tx. HN;
- Đường sự;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Vương

